

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày 12-7-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nhân và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 (vụ án tạm đình chỉ và được tiếp tục giải quyết ngày 11 tháng 12 năm 2023) về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; đã chết.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964 (là vợ ông Th); địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Anh Đinh Văn C, sinh năm 1991 (là con ông Th); địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Chị Đinh Thị Kim T, sinh năm 1983 (là con ông Th); địa chỉ: Số nhà X tổ V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. Chị Đinh Thị E, sinh năm 1984 (là con ông Th); địa chỉ: Số nhà M hẻm 475/20/36 đường N, phường H, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Chị Lê Thị H2, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Đinh Văn Th và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th là bà Nguyễn Thị B, anh Đinh Văn C, chị Đinh Thị Kim T, chị Đinh Thị E đều trình bày:

Ngày 28/11/2014, ông Đinh Văn Th có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), vay không thời hạn, lãi suất tính theo ngân hàng, khi nào cần thanh toán thì báo trước cho bà H 10 ngày. Bà H có giao cho ông Th 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 112881 do UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/6/2011 mang tên người sử dụng đất là ông Phạm Văn H1, sinh năm 1979 và bà Lê Thị H2, sinh năm 1982 được sử dụng thửa đất 231d, tờ bản đồ số 24, diện tích 264m² đất trồng cây hàng năm, địa chỉ tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Đến đầu tháng 6/2018, do cần tiền nên ông Th đã báo trước cho bà H 10 ngày yêu cầu bà H thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận (tạm tính thời gian trả nợ từ ngày 15/6/2018). Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trên đã lâu bà H không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết nên ông Th khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm-tương đương 0,83%/tháng, kể từ ngày 15/6/2018 tính đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm. Nay ông Th đã chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th là vợ và con ông Th gồm bà Nguyễn Thị B, anh Đinh Văn HC, chị Đinh Thị Kim T, chị Đinh Thị E đều thống nhất quan điểm như yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Tại lời khai tại Tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Về thời điểm vay, số tiền vay nợ, lãi suất theo thỏa thuận tại giấy vay tiền, số tiền gốc 200.000.000 đồng + lãi suất bà còn nợ ông Đinh Văn Th và việc bà giao cho ông Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Phạm Văn H1, chị Lê Thị H2 đúng như ông Th trình bày. Tuy nhiên, do hiện nay bà đang khó khăn về kinh tế nên bà chưa thể trả nợ ngay số tiền trên cho ông Th được, bà xin trả dần cho ông Th mỗi năm 30.000.000 đồng gốc, còn về lãi suất thì bà xin được miễn. Ngoài ra, bà H xác định khi viết giấy vay tiền thì bà có ghi thế chấp cho ông Th một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H1, chị H2 nêu trên, tuy nhiên bà chỉ đưa ông Th giữ để làm tin chứ hai bên không lập hợp đồng thế chấp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà nhật được ngoài đường, giữa bà và vợ chồng anh H1, chị H2 không có quan hệ họ hàng hoặc quen biết gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn H1 trình bày: Anh là chồng của chị Lê Thị H2, cách đây khoảng 10 năm vợ chồng anh có làm mất một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn H1 và Lê Thị H2. Sau đó vợ chồng anh đã làm thủ tục thông báo việc mất giấy tờ đất theo quy định

và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh H1 xác định vợ chồng anh không quen biết gì ông Đinh Văn Th và bà Nguyễn Thị H, không biết gì về việc vay nợ giữa ông Th và bà H, nay vợ chồng anh đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đương sự có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự, tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[2] Về địa vị tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đinh Văn Th chết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vợ ông Th là bà Nguyễn Thị B và các con của ông Th là anh Đinh Văn C, chị Đinh Thị Kim T, chị Đinh Thị E tham gia tố tụng kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Th.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là anh Đinh Văn C, chị Đinh Thị Kim T, chị Đinh Thị E và bị đơn là bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ: Vụ án này Tòa án giải quyết nội dung tranh chấp là quan hệ vay tài sản giữa ông Đinh Văn Th và bà Nguyễn Thị H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã thực hiện việc ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa tiến hành biện pháp

thu thập chứng cứ lấy lời khai của vợ chồng anh Phạm Văn H1, chị Lê Thị H2 nhưng chỉ lấy được lời khai của anh H1, bản thân anh H1 xác định chị H2 hiện nay đang đi làm ăn xa, quan điểm tại lời khai của anh cũng đồng thời là quan điểm của chị H2. Ngoài ra, Tòa án cũng đã thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng cho chị H2, trong đó có một lần phiếu báo phát của Bureau ngày 20/5/2021 thể hiện chị H2 là người ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy, chị H2 đã biết việc Tòa án đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng chị không có ý kiến phản hồi gì. Việc không lấy được lời khai của chị H2 không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa ông Th và bà H nên Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên tòa mà vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cũng như bị đơn đều thống nhất xác định ngày 28/11/2014, ông Đinh Văn Th có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất tính theo ngân hàng, khi nào ông Th cần thanh toán thì báo trước cho bà H 10 ngày. Khi vay tiền thì bà H có giao cho ông Th 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Phạm Văn H1, chị Lê Thị H2 để làm tin. Đến đầu tháng 6/2018 ông Th đã thông báo yêu cầu bà H trả toàn bộ số tiền gốc nêu trên và lãi cho ông Th, nhưng đến nay bà H chưa trả được đồng nào cho ông Th. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định việc vay nợ và số tiền nợ giữa ông Th và bà H mà hai bên đã trình bày ở trên là có thật.

[6] Nay ông Th (đã chết) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Th là bà Nguyễn Thị B, anh Đinh Văn C, chị Đinh Thị Kim T, chị Đinh Thị E yêu cầu bà H phải trả khoản nợ gốc 200.000.000 đồng nêu trên và phải trả khoản lãi là 10%/năm tương ứng với 0,83%/1 tháng, kể từ ngày 15/6/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Còn bà H đồng ý trả nợ gốc theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, bà H xác định hiện nay bà đang khó khăn về kinh tế nên bà chưa thể trả nợ ngay số tiền trên cho nguyên đơn được, bà xin trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng gốc, còn về lãi suất thì bà xin được miễn.

[7] Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản giữa ông Đinh Văn Th và bà Nguyễn Thị H được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các bên phải thực hiện đúng theo hợp đồng đã giao kết. Do bà H không thực hiện việc trả nợ đúng hạn nên đã vi phạm hợp đồng, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H phải trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B, anh Đinh Văn C, chị Đinh Thị Kim T, chị Đinh Thị E số tiền gốc vay là 200.000.000 đồng và số tiền lãi suất 10%/năm, tương đương với 0,83%/1 tháng, kể từ ngày 15/6/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án 12/7/2024 là 06 năm 0 tháng 27 ngày với tổng số tiền lãi là 121.014.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với các Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

[8] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 112881 do UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/6/2011 mang tên người sử dụng đất là ông

Phạm Văn H1 và bà Lê Thị H2 mà khi vay tiền bà H đã đưa cho ông Th để làm tin. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn H1 xác định trước đây vợ chồng anh có làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, tuy nhiên vợ chồng anh đã làm thủ tục thông báo việc mất giấy tờ đất và đến nay vợ chồng anh đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh không có yêu cầu gì, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể bà H phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là 200.000.000 đồng + 121.014.000 đồng = 321.014.000 đồng nên bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 321.014.000 đồng x 5% giá trị tài sản tranh chấp = 16.050.700 đồng.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 74; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn Th (đã chết) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Th là bà Nguyễn Thị B, anh Đinh Văn C, chị Đinh Thị Kim T, chị Đinh Thị E. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị B, anh Đinh Văn C, chị Đinh Thị Kim T, chị Đinh Thị E số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 121.014.000 đồng. Tổng cộng là 321.014.000đ (ba trăm hai mươi một triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 16.050.700đ (mười sáu triệu không trăm năm mươi nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

